

Số: /2026/TT-BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

**Về phân cấp quản lý tổ chức cán bộ
của hệ thống Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 11 năm 2008, sửa đổi, bổ sung ngày 25 tháng 11 năm 2014; ngày 12 tháng 6 năm 2018; ngày 13 tháng 11 năm 2020; ngày 11 tháng 01 năm 2022; ngày 18 tháng 01 năm 2024; ngày 29 tháng 6 năm 2024; ngày 30 tháng 11 năm 2024; ngày 24 tháng 6 năm 2025 và ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 09/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 303/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 172/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức; sửa đổi, bổ sung ngày 23 tháng 9 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư về phân cấp quản lý tổ chức cán bộ của hệ thống Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nguyên tắc, nội dung, thẩm quyền của Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự và Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trong quản lý tổ chức cán bộ của hệ thống Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cục Quản lý Thi hành án dân sự, các tổ chức thuộc Cục Quản lý Thi hành án dân sự tại Trung ương (sau đây gọi là tổ chức thuộc Cục).
2. Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố, các tổ chức thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.
3. Công chức, người lao động tại các đơn vị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác tổ chức cán bộ và phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân cấp của Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025.
2. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định, phát huy đầy đủ trách nhiệm của Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự và Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trong công tác tổ chức cán bộ.
3. Phân cấp thẩm quyền quản lý tổ chức cán bộ phù hợp với năng lực quản lý của Cục Quản lý Thi hành án dân sự và Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố; bảo đảm nâng cao hiệu quả quản lý tổ chức cán bộ và hoạt động của Cục Quản lý Thi hành án dân sự và Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố; bảo đảm sự thống nhất, thông suốt trong chỉ đạo, điều hành hệ thống Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp.
4. Phân cấp thẩm quyền quản lý tổ chức cán bộ đi đôi với kiểm soát quyền lực, tăng cường trách nhiệm của Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự và Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố; phù hợp với tính chất, quy mô, khối lượng công việc và yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ của từng cấp trong hệ thống Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp.
5. Phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quản lý tổ chức cán bộ của hệ thống Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp trên đối với trách nhiệm của Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự và Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trong quản lý tổ chức cán bộ của hệ thống Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp.

6. Cục Quản lý Thi hành án dân sự và Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố chủ động triển khai, thực hiện nhiệm vụ được phân cấp theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của Bộ về công tác tổ chức cán bộ; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ban Thường vụ Đảng uỷ và Lãnh đạo Bộ Tư pháp về việc triển khai, thực hiện nhiệm vụ được phân cấp.

Chương II

THẨM QUYỀN GIAO BIÊN CHẾ, TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Điều 4. Thẩm quyền giao biên chế công chức

1. Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự quyết định giao biên chế công chức đối với từng tổ chức thuộc Cục, Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trong tổng số biên chế công chức của Cục Quản lý Thi hành án dân sự được Bộ trưởng giao hằng năm và bảo đảm tiêu chí thành lập tổ chức trực thuộc theo quy định pháp luật.

2. Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố quyết định giao biên chế công chức đối với từng tổ chức thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trong tổng số biên chế công chức của Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố được Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự giao hằng năm và bảo đảm tiêu chí thành lập tổ chức trực thuộc theo quy định pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền tuyển dụng công chức, tiếp nhận vào làm công chức, tiếp nhận công chức

1. Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự quyết định:

a) Tuyển dụng công chức, tiếp nhận vào làm công chức vào vị trí việc làm xếp ngạch Chuyên viên chính và tương đương trở xuống (trừ ngạch Chấp hành viên trung cấp, ngạch Chấp hành viên sơ cấp) tại Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố và các tổ chức thuộc Cục.

b) Tiếp nhận công chức vào vị trí việc làm xếp ngạch Thẩm tra viên, ngạch Chuyên viên chính và tương đương (trừ ngạch Chấp hành viên trung cấp) từ ngoài hệ thống Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp đến công tác tại Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố, trừ trường hợp là công chức thuộc các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp.

c) Tiếp nhận công chức vào vị trí việc làm xếp ngạch Chuyên viên chính và tương đương trở xuống từ ngoài hệ thống Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp đến công tác tại các tổ chức thuộc Cục, trừ trường hợp là công chức thuộc các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp.

d) Cho ý kiến về việc tiếp nhận công chức vào vị trí việc làm xếp ngạch Chuyên viên và tương đương trở xuống từ ngoài hệ thống Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp đến công tác tại Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố, trừ trường hợp xếp ngạch Chấp hành viên sơ cấp và ngạch Thẩm tra viên.

2. Căn cứ ý kiến của Cục Quản lý Thi hành án dân sự, Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố quyết định tiếp nhận công chức vào vị trí việc làm xếp ngạch Chuyên viên và tương đương trở xuống (trừ ngạch Chấp hành viên sơ cấp, ngạch Thẩm tra viên) từ ngoài hệ thống Thi hành án dân sự đến công tác tại Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố, trừ trường hợp là công chức thuộc các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp.

Điều 6. Thẩm quyền ký kết hợp đồng lao động đối với người lao động

1. Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự quyết định:

a) Ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc của công chức theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP; quyết định chủ trương ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc của công chức theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP đối với người lao động tại các tổ chức thuộc Cục.

b) Cho chủ trương ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc của công chức theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP đối với người lao động tại các đơn vị Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

2. Căn cứ chủ trương đã được Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự phê duyệt, Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố quyết định ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc của công chức theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 173/2025/NĐ-CP đối với người lao động tại các đơn vị Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

Chương III

THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÔNG CHỨC

Điều 7. Thẩm quyền quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý

1. Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự phê duyệt quy hoạch chức danh Phó Trưởng ban và tương đương thuộc Cục Quản lý Thi hành án dân sự, Phó Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố (trừ Phó Trưởng Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội và Phó Trưởng Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố phê duyệt quy hoạch chức danh Lãnh đạo Phòng và tương đương thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

Điều 8. Thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, kéo dài thời gian giữ chức vụ, cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển

1. Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự quyết định:

a) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, kéo dài thời gian giữ chức vụ, cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển đối với Phó Trưởng ban và tương đương thuộc Cục Quản lý Thi hành án dân sự, Phó Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố (trừ Phó Trưởng Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội và Phó Trưởng Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

b) Điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý giữa các tổ chức thuộc Cục, giữa các Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố, giữa các tổ chức thuộc Cục và các Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

2. Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố quyết định:

a) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, kéo dài thời gian giữ chức vụ, cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, cho từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển đối với Lãnh đạo Phòng và tương đương thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

b) Điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý giữa các tổ chức thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

Điều 9. Thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kế toán trưởng

Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại kế toán trưởng của Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

Điều 10. Thẩm quyền thay đổi vị trí việc làm

1. Thay đổi vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn ngạch hiện giữ

a) Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự quyết định thành lập Hội đồng để đánh giá việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của Lãnh đạo và công chức thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố và các tổ chức thuộc Cục đối với trường hợp thay đổi vị trí việc làm, xếp ngạch Chuyên viên chính và tương đương trở xuống.

b) Trên cơ sở đánh giá của Hội đồng, Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự quyết định thay đổi vị trí việc làm, xếp ngạch Chuyên viên chính và tương đương trở xuống đối với Lãnh đạo và công chức các tổ chức thuộc Cục; thay đổi vị trí việc làm, xếp ngạch Thẩm tra viên, ngạch Chuyên viên chính và tương đương (trừ ngạch Chấp hành viên trung cấp) đối với Lãnh đạo và công chức thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

c) Trên cơ sở đánh giá của Hội đồng, Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố quyết định thay đổi vị trí việc làm, xếp ngạch Chuyên viên và tương đương trở xuống (trừ ngạch Chấp hành viên sơ cấp, ngạch Thẩm tra viên) đối với Lãnh đạo và công chức thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

2. Thay đổi vị trí việc làm có ngạch công chức cùng thứ bậc chuyên môn, nghiệp vụ nhưng khác ngạch hiện giữ

a) Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự quyết định thay đổi vị trí việc làm, xếp ngạch Chuyên viên chính và tương đương trở xuống đối với Lãnh đạo và công chức các tổ chức thuộc Cục; thay đổi vị trí việc làm, xếp ngạch Thẩm tra viên, ngạch Chuyên viên chính và tương đương (trừ ngạch Chấp hành viên trung cấp) đối với Lãnh đạo và công chức thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

b) Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố quyết định thay đổi vị trí việc làm, xếp ngạch Chuyên viên và tương đương trở xuống (trừ ngạch Chấp hành viên sơ cấp, ngạch Thẩm tra viên) đối với Lãnh đạo và công chức thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

3. Thay đổi vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ thấp hơn ngạch hiện giữ

a) Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự quyết định thay đổi vị trí việc làm, xếp ngạch Chuyên viên chính và tương đương (trừ ngạch Chấp hành viên trung cấp) đối với Lãnh đạo và công chức thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố và các tổ chức thuộc Cục sau khi Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt chủ trương; thay đổi vị trí việc làm, xếp ngạch Chuyên viên và tương đương trở xuống đối với Lãnh đạo và công chức các tổ chức thuộc Cục; thay đổi vị trí việc làm, xếp ngạch Thẩm tra viên đối với Lãnh đạo và công chức thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

b) Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố quyết định thay đổi vị trí việc làm, xếp ngạch Chuyên viên và tương đương trở xuống (trừ ngạch Chấp hành viên sơ cấp, ngạch Thẩm tra viên) đối với Lãnh đạo và công chức thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

Điều 11. Thẩm quyền cử công chức đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự quyết định cử công chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước đối với Lãnh đạo và công chức các tổ chức thuộc Cục, Lãnh đạo Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

2. Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố quyết định cử công chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước đối với Lãnh đạo và công chức các tổ chức thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

Điều 12. Thẩm quyền xử lý kỷ luật công chức

1. Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự quyết định kỷ luật đối với Phó Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố (trừ Phó Trưởng Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội và Phó Trưởng Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh), Phó Trưởng ban và tương đương, công chức các tổ chức thuộc Cục, trừ trường hợp cách chức Chấp hành viên.

2. Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố quyết định kỷ luật đối với Lãnh đạo và công chức các tổ chức thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố, trừ trường hợp cách chức Chấp hành viên.

Điều 13. Thẩm quyền thực hiện chế độ tiền lương

1. Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, cho hưởng, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, cho hưởng, nâng phụ cấp thâm niên nghề và các phụ cấp khác đối với Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố, Lãnh đạo và công chức các tổ chức thuộc Cục.

2. Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, cho hưởng, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, cho hưởng, nâng phụ cấp thâm niên nghề và các phụ cấp khác đối với Phó Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố, Lãnh đạo và công chức các tổ chức thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

Điều 14. Thẩm quyền thực hiện chế độ tiền thưởng, chế độ bảo hiểm xã hội

1. Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự quyết định chế độ tiền thưởng, chế độ bảo hiểm xã hội khác đối với Lãnh đạo và công chức Cục Quản lý Thi hành án dân sự.

2. Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố quyết định thực hiện chế độ tiền thưởng, chế độ bảo hiểm khác đối với Lãnh đạo và công chức Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

Điều 15. Thẩm quyền thực hiện chế độ nghỉ phép hằng năm, nghỉ công tác không hưởng lương

1. Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự quyết định:

a) Việc nghỉ phép hằng năm đối với Phó Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự, Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố, Lãnh đạo và công chức các tổ chức thuộc Cục.

b) Việc nghỉ công tác không hưởng lương đối với Lãnh đạo Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố, Lãnh đạo và công chức các tổ chức thuộc Cục.

2. Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố quyết định:

a) Việc nghỉ phép hằng năm đối với Phó Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố, Lãnh đạo và công chức các tổ chức thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

b) Việc nghỉ công tác không hưởng lương đối với Lãnh đạo và công chức các tổ chức thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

Điều 16. Thẩm quyền cho thôi việc, nghỉ hưu, chuyển công tác

1. Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự quyết định:

a) Nghỉ hưu đối với Phó Trưởng ban và tương đương thuộc Cục Quản lý Thi hành án dân sự, Phó Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố và công chức các tổ chức thuộc Cục, trừ trường hợp người nghỉ hưu là Phó Trưởng Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội và Phó Trưởng Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cho thôi việc, chuyển công tác đối với Phó Trưởng ban và tương đương thuộc Cục Quản lý Thi hành án dân sự, Phó Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố và công chức các tổ chức thuộc Cục, trừ trường hợp người xin thôi việc, chuyển công tác là Phó Trưởng Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội và Phó Trưởng Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, công chức có học hàm giáo sư, phó giáo sư, ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương.

2. Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố quyết định:

a) Nghỉ hưu đối với Lãnh đạo và công chức các tổ chức thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

b) Cho thôi việc, chuyển công tác đối với Lãnh đạo và công chức các tổ chức thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố, trừ trường hợp người xin thôi việc, chuyển công tác là công chức có học hàm giáo sư, phó giáo sư, ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương.

Điều 17. Thẩm quyền quản lý hồ sơ công chức

1. Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự có thẩm quyền quản lý hồ sơ công chức (bao gồm hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử) của Phó Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự, Lãnh đạo và công chức các tổ chức thuộc Cục, Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

2. Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố có thẩm quyền quản lý hồ sơ công chức (bao gồm hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử) của Phó Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố, Lãnh đạo và công chức các tổ chức thuộc Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ trưởng

1. Quyết định kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung được phân cấp; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tổ chức cán bộ theo thẩm quyền; hủy bỏ hoặc yêu cầu thu hồi quyết định của Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự và Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố về quản lý công

chức, người lao động có nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc trái thẩm quyền đã được phân cấp.

2. Xem xét, xử lý đối với các trường hợp không thực hiện đúng thẩm quyền hoặc vi phạm các quy định về quản lý công tác tổ chức cán bộ của Đảng, Nhà nước, của Bộ và các quy định tại Thông tư này.

Điều 19. Trách nhiệm của Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự

1. Quyết định các nội dung quản lý về công tác tổ chức cán bộ được phân cấp tại Thông tư này; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tư pháp, trước pháp luật về công tác tổ chức cán bộ được phân cấp tại Thông tư này.

2. Chủ trì tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý thống nhất về công tác tổ chức cán bộ của hệ thống Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tư pháp về kết quả thực hiện.

3. Chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ tham mưu, trình Ban Thường vụ Đảng ủy, Lãnh đạo Bộ Tư pháp quyết định các nội dung quản lý về công tác tổ chức cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ trưởng, trừ chức danh Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự.

4. Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, phối hợp, tham gia thực hiện quy trình, kiểm tra các Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trong công tác tổ chức cán bộ theo thẩm quyền được phân cấp và theo quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tổ chức cán bộ của hệ thống Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp theo thẩm quyền.

5. Gửi Lãnh đạo Bộ Tư pháp phụ trách, Vụ Tổ chức cán bộ các quyết định về tổ chức, cán bộ theo thẩm quyền được phân cấp để theo dõi, quản lý theo quy định.

6. Tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ Tư pháp về tình hình, kết quả thực hiện công tác tổ chức, cán bộ trong báo cáo công tác 6 tháng và hằng năm; báo cáo, thống kê về đội ngũ công chức, người lao động của hệ thống Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp theo quy định và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 20. Trách nhiệm của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ

1. Giúp Bộ trưởng kiểm tra Cục Quản lý Thi hành án dân sự và Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trong việc thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp và việc chấp hành các quy định pháp luật về tổ chức cán bộ, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác tổ chức cán bộ đối với Cục Quản lý Thi hành án dân sự và Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

2. Chủ trì, phối hợp với Cục Quản lý Thi hành án dân sự tham mưu, trình Ban Thường vụ Đảng ủy, Lãnh đạo Bộ Tư pháp quyết định các nội dung quản lý đối với chức danh Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự.

3. Phối hợp với Cục Quản lý Thi hành án dân sự tham mưu thực hiện các nội dung công tác tổ chức cán bộ thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ Đảng ủy, Lãnh đạo Bộ Tư pháp.

Điều 21. Trách nhiệm của Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố

1. Quyết định các nội dung quản lý về công tác tổ chức cán bộ được phân cấp tại Thông tư này; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự, trước pháp luật về công tác tổ chức cán bộ được phân cấp tại Thông tư này.

2. Gửi Lãnh đạo Bộ Tư pháp phụ trách, Vụ Tổ chức cán bộ, Cục Quản lý Thi hành án dân sự các quyết định về tổ chức, cán bộ theo thẩm quyền được phân cấp để theo dõi, quản lý theo quy định.

3. Báo cáo Cục Quản lý Thi hành án dân sự về tình hình, kết quả thực hiện công tác tổ chức, cán bộ trong báo cáo công tác 6 tháng và hằng năm của đơn vị để tổng hợp báo cáo Đảng ủy và Lãnh đạo Bộ; báo cáo, thống kê về đội ngũ công chức, người lao động của đơn vị theo quy định và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tổ chức cán bộ theo thẩm quyền.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các nội dung công tác cán bộ đã thực hiện quy trình trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa ban hành quyết định thì tiếp tục thực hiện quy trình và trình cấp có thẩm quyền quy định tại Thông tư này ban hành quyết định.

2. Trường hợp các quy định của pháp luật có liên quan trong công tác tổ chức cán bộ sửa đổi, thay thế nhưng không có quy định khác về thẩm quyền quyết định các nội dung công tác tổ chức cán bộ thì Bộ trưởng, Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự và Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố tiếp tục thực hiện thẩm quyền quy định tại Thông tư này đến khi có quy định mới.

3. Trường hợp cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định về công tác cán bộ có nội dung khác với quy định phân cấp tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định mới của cấp có thẩm quyền.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Thay thế Thông tư số 09/2015/TT-BTP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc phân cấp quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự và các cơ quan Thi hành án dân sự.

2. Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng (đề b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ;
- Các tổ chức CT-XH thuộc Bộ;
- Công báo; Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp; Cổng Pháp luật Quốc gia;
- Lưu: VT, CQLTHADS.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hải Ninh